

**HƯỚNG DẪN DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
TRÍCH LẬP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Công văn số /SKHCN-KH&QLCN
ngày /5/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)*

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025.
2. Luật Chuyển đổi số năm 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2026).
3. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025.
4. Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
5. Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
6. Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;
7. Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật về trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Quỹ). Nội dung hướng dẫn phải rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu, dễ thực hiện; phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và điều kiện thực tiễn của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.
2. Thúc đẩy doanh nghiệp chủ động bố trí nguồn lực tài chính cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh và năng lực cạnh tranh.

3. Tăng cường hiệu quả thực thi các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặc biệt là các nội dung theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với Quỹ của doanh nghiệp; bảo đảm việc sử dụng Quỹ đúng mục đích, đúng quy định, phát huy hiệu quả thiết thực.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Hướng dẫn thực hiện một số nội dung, quy định liên quan đến việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ. Các nội dung khác không quy định tại Hướng dẫn này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

- Các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp và thực hiện trích lập Quỹ.

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng Quỹ.

- Các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh có liên quan đến việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ.

IV. NGUYÊN TẮC TRÍCH LẬP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ

1. Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp thực hiện trích lập Quỹ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; Quỹ được tiếp nhận các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, viện trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân để phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ phải tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Doanh nghiệp thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng Quỹ; bảo đảm sử dụng đúng mục đích, gắn với chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất, kinh doanh và định hướng đổi mới công nghệ của đơn vị.

4. Quỹ phải được quản lý, hạch toán riêng; việc sử dụng Quỹ bảo đảm công khai, minh bạch, có đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp pháp theo quy định.

5. Khuyến khích doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, chủ động trích lập và sử dụng hiệu quả Quỹ; ưu tiên đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

6. Tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, sử dụng Quỹ được xem xét miễn, giảm hoặc loại trừ trách nhiệm theo quy định của pháp luật trong trường hợp phát sinh rủi ro, tổn thất khi đã thực hiện đầy đủ quy trình, quy định, bảo đảm tính công khai, minh bạch, trung thực trong quá trình quyết định và triển khai hoạt động đầu tư.

7. Việc tổ chức thực hiện phải bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát.

V. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN

1. Về trích lập Quỹ

a) Mức trích lập

Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế năm để lập Quỹ theo quy định của pháp luật.

b) Thời điểm trích lập

Việc trích lập Quỹ được thực hiện khi xác định thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế năm và được phản ánh trong hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tương ứng theo quy định của pháp luật về thuế.

c) Hạch toán, theo dõi

- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh hằng năm, doanh nghiệp chủ động quyết định mức trích lập Quỹ trong phạm vi quy định; trường hợp doanh nghiệp đã lựa chọn trích lập Quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định tại Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội thì không thực hiện trích lập Quỹ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Khoản trích lập và sử dụng Quỹ phải được hạch toán riêng, theo dõi đầy đủ, chi tiết trên hệ thống sổ kế toán của doanh nghiệp, bảo đảm phản ánh rõ số trích lập, số đã sử dụng và số dư Quỹ theo từng năm; phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, quyết toán theo quy định.

- Doanh nghiệp có trách nhiệm lập Báo cáo tình hình trích lập, sử dụng Quỹ theo mẫu quy định và gửi kèm hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp hằng năm.

- Các khoản chi từ Quỹ không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế.

- Phần kinh phí từ tài trợ, viện trợ, đóng góp hợp pháp (nếu có) chưa sử dụng hết được chuyển sang các năm sau để tiếp tục sử dụng theo quy định.

d) Nguồn hình thành Quỹ

Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

- Khoản trích từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định;
- Các khoản tài trợ, viện trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Các nguồn hợp pháp khác theo quy định (nếu có).

2. Về sử dụng Quỹ

a) Nguyên tắc sử dụng

- Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được trao quyền chủ động, tự chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý và sử dụng Quỹ. Việc sử dụng Quỹ phải bảo đảm đúng mục đích, đúng nội dung chi theo quy định; đồng thời thực hiện đầy đủ chế độ chứng từ theo quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

- Các đơn vị thực hiện tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ của các khoản chi, bảo đảm không trùng lặp với các khoản chi thường xuyên cho hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

- Đối với các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hiến tặng hợp pháp, việc tiếp nhận và sử dụng phải căn cứ theo thỏa thuận với bên đóng góp (nếu có), đồng thời tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan. Kiên quyết không tiếp nhận các nguồn tài trợ có yếu tố rủi ro, ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng hoặc vi phạm các quy định về phòng, chống tham nhũng, rửa tiền, tài trợ khủng bố và các hành vi trái pháp luật khác.

- Phần kinh phí từ các khoản đóng góp, tài trợ, hiến tặng chưa sử dụng hết đến hết năm tài chính được phép chuyển sang các năm tiếp theo để tiếp tục sử dụng cho các nhiệm vụ của Quỹ; không bị khống chế về thời hạn sử dụng và không phải nộp ngân sách nhà nước, qua đó tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động bố trí nguồn lực, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ mang tính dài hạn.

b) Nội dung chi từ Quỹ

b1) Đối với doanh nghiệp nhà nước

Doanh nghiệp nhà nước được sử dụng Quỹ để thực hiện các dự án trọng điểm, dự án phát triển công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm các nội dung sau:

(1) Chi thuê chuyên gia:

- Chi thuê hoặc trả lương chuyên gia trong và ngoài nước theo các hình thức: làm việc toàn thời gian, bán thời gian, tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ.

- Việc thuê chuyên gia được thực hiện theo hình thức chỉ định, ký hợp đồng trực tiếp; mức chi thực hiện theo nguyên tắc thị trường, do doanh nghiệp quyết định trên cơ sở thỏa thuận, phù hợp với tính chất nhiệm vụ, thời gian và trình độ chuyên môn.

- Hình thức hợp đồng bao gồm: hợp đồng dịch vụ, hợp đồng nghiên cứu khoán gọn theo giai đoạn, hợp đồng hợp tác nghiên cứu có chia sẻ quyền sở hữu trí tuệ.

(2) Chi mua công nghệ, thiết bị phục vụ nghiên cứu, giải mã công nghệ:

- Được phép mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị từ nước ngoài để phục vụ phân tích, học hỏi, giải mã công nghệ và phát triển công nghệ chiến lược; thực hiện theo hình thức chỉ định nhà cung cấp và đàm phán giá.

- Các sản phẩm, thiết bị sau khi phân tích, giải mã được coi là vật tư tiêu hao, không hạch toán vào tài sản của doanh nghiệp.

- Việc mua phải phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt và tuân thủ quy định pháp luật có liên quan. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính hiệu quả, hợp pháp của hoạt động này.

(3) Chi mua bí quyết công nghệ: Doanh nghiệp được tự chủ lựa chọn, đàm phán và mua trực tiếp bí quyết công nghệ phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ; chịu trách nhiệm về hiệu quả và tính hợp pháp.

(4) Chi hợp tác nghiên cứu với nước ngoài: Chi cho việc thực hiện nhiệm vụ, dự án hợp tác nghiên cứu với đối tác nước ngoài nhằm tiếp cận, làm chủ công nghệ; bảo đảm tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước và sở hữu trí tuệ.

(5) Chi mua lại, sáp nhập để sở hữu công nghệ:

- Chi cho hoạt động mua lại, sáp nhập doanh nghiệp, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển nhằm tiếp nhận, làm chủ bí quyết công nghệ.

- Việc thực hiện phải bảo đảm: phù hợp chiến lược phát triển; có phương án đầu tư rõ ràng; có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu; thực hiện minh bạch, phòng ngừa xung đột lợi ích.

- Được phép thực hiện theo hình thức đàm phán trực tiếp; được thuê tư vấn, chuyên gia hỗ trợ; thực hiện hạch toán theo quy định hiện hành.

(6) Các chi phí cần thiết khác: Các khoản chi trực tiếp phục vụ nghiên cứu, tiếp cận, mua và giải mã công nghệ tiên tiến.

(7) Chi thực hiện hoạt động chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về chuyển đổi số.

b2) Đối với doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp

(1) Mua, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư vào dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, bảo đảm các yêu cầu sau:

- Ban hành quy chế quản lý nội bộ, quy định rõ nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thẩm quyền quyết định và cơ chế giám sát;

- Bảo đảm công khai, minh bạch, kiểm soát rủi ro tài chính và công nghệ, phòng ngừa xung đột lợi ích;

- Thực hiện thẩm định (nội bộ hoặc thuê độc lập) về công nghệ, thị trường, tài chính trước khi quyết định đầu tư;

- Quyết định đầu tư do cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quyết định trên cơ sở kết quả thẩm định và ngưỡng rủi ro;

- Hợp đồng đầu tư phải có điều khoản thoái vốn, xử lý rủi ro và ràng buộc trách nhiệm;

- Thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá định kỳ; xây dựng phương án xử lý rủi ro;

- Thực hiện chế độ báo cáo, kiểm toán theo quy định.

(2) Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

Quỹ được sử dụng để trực tiếp thực hiện, đặt hàng hoặc thuê thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm:

- Chi tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất lương cho nhân lực trực tiếp tham gia;

- Chi vật tư, nguyên liệu, năng lượng, thiết bị, thử nghiệm, thuê thiết bị;

- Chi khấu hao tài sản phục vụ nghiên cứu;

- Chi thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn;

- Chi sở hữu trí tuệ (đăng ký, duy trì, khai thác quyền);

- Chi chuyển giao, tiếp nhận công nghệ;

- Chi thuê ngoài, hợp tác nghiên cứu;

- Chi đổi mới quy trình, sản phẩm;

- Chi quản lý, hỗ trợ nhiệm vụ;

- Các chi phí hợp lý khác phục vụ trực tiếp hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

(Các khoản chi để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, không phải là chi phí sản xuất, chi phí tiếp thị)

(3) Chi hoạt động nghiên cứu ở nước ngoài:

Quỹ được sử dụng để tổ chức hoặc thuê đối tác nước ngoài thực hiện hoạt động nghiên cứu ở nước ngoài, không phải thông qua dự án đầu tư; bảo đảm tuân thủ quy định về bảo mật và sở hữu trí tuệ.

(4) Chi hỗ trợ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

Bao gồm:

- Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng, phòng thí nghiệm, thiết bị, hệ thống dữ liệu, hệ thống quản lý chất lượng;

- Mua quyền sử dụng, quyền sở hữu công nghệ, tài liệu, dữ liệu, phần mềm;

- Mua máy móc, thiết bị phục vụ đổi mới công nghệ;

- Chi đào tạo, bồi dưỡng nhân lực;

- Chi hợp tác khoa học và công nghệ trong và ngoài nước;

- Chi tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, thương mại hóa sản phẩm, sở hữu trí tuệ;

- Chi khảo nghiệm, trình diễn, thử nghiệm quy mô rộng.

(5) Chi quản lý Quỹ: Chi cho công tác quản lý, điều hành Quỹ theo quy định.

(6) Chi thực hiện hoạt động chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về chuyển đổi số.

3. Xử lý Quỹ

a) Xử lý trường hợp không sử dụng, sử dụng không hết hoặc sử dụng sai mục đích

- Trong thời hạn 05 năm kể từ khi trích lập, trường hợp Quỹ không được sử dụng; hoặc sử dụng không hết 70%; hoặc sử dụng không đúng mục đích, doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp có trách nhiệm nộp ngân sách nhà nước:

(1) Số thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên phần thu nhập đã trích lập nhưng không sử dụng, sử dụng không hết hoặc sử dụng không đúng mục đích;

(2) Phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải thu hồi nêu trên.

(3) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định số thuế thu hồi là thuế suất áp dụng tại thời điểm trích lập Quỹ.

(4) Việc tính lãi đối với số thuế thu hồi được thực hiện như sau:

- Đối với phần Quỹ không sử dụng hết: áp dụng lãi suất trái phiếu kho bạc kỳ hạn 05 năm (hoặc 10 năm trong trường hợp không có kỳ hạn 05 năm) phát hành gần nhất với thời điểm thu hồi; thời gian tính lãi là 02 năm, kể cả trường hợp hoàn nhập Quỹ trước thời hạn 05 năm;

- Đối với phần Quỹ sử dụng sai mục đích: áp dụng mức tính tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; thời gian tính lãi kể từ thời điểm trích lập Quỹ đến thời điểm thu hồi.

b) Xử lý trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp

Trường hợp doanh nghiệp có thay đổi do sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi chủ sở hữu hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, thì doanh nghiệp mới hoặc doanh nghiệp nhận sáp nhập có trách nhiệm kế thừa, quản lý và sử dụng Quỹ trước khi thực hiện tổ chức lại, đồng thời chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ liên quan đến Quỹ theo quy định.

c) Xử lý tài sản hình thành từ Quỹ

Trường hợp tài sản cố định được hình thành từ nguồn Quỹ để phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, chưa khấu hao hết mà được chuyển sang phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp thì:

(1) Giá trị còn lại của tài sản được tính vào thu nhập khác;

(2) Phần giá trị còn lại này được trích khấu hao và tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

(3) Doanh nghiệp thực hiện lập Báo cáo trích lập, sử dụng Quỹ theo Mẫu số 03-6/TNDN (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)), gửi kèm theo hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm.

VI. ƯU ĐÃI, CƠ CHẾ TÀI CHÍNH LIÊN QUAN

1. Khoản trích lập Quỹ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế, qua đó làm giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định.

2. Các khoản chi thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế; mức tính tối đa không vượt quá 200% tổng chi phí thực tế cho hoạt động này phát sinh trong kỳ tại doanh nghiệp.

(Việc áp dụng các cơ chế ưu đãi tài chính nêu trên phải bảo đảm hồ sơ, tài liệu, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật về thuế).

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Nội dung báo cáo

Theo Mẫu số 03-6/TNDN, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Tài chính hướng dẫn Luật Quản lý thuế và Nghị định 126/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý thuế.

2. Kỳ báo cáo

Báo cáo được thực hiện định kỳ hàng năm, gửi kèm theo hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhà nước có thể yêu cầu báo cáo đột xuất để phục vụ công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra.

3. Cơ quan tiếp nhận báo cáo

- Cơ quan thuế quản lý trực tiếp: tiếp nhận báo cáo kèm theo hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Sở Khoa học và Công nghệ: tiếp nhận báo cáo để phục vụ công tác theo dõi, tổng hợp, đánh giá hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp trên địa bàn.

- Các cơ quan liên quan khác (nếu có) theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu quản lý.

4. Trách nhiệm kiểm tra, giám sát

- Cơ quan thuế chủ trì kiểm tra việc trích lập, sử dụng và xử lý Quỹ trong quá trình thanh tra, kiểm tra thuế.

- Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp kiểm tra việc sử dụng Quỹ đúng mục đích, đúng nội dung chi theo quy định về khoa học và công nghệ.

- Các cơ quan có liên quan thực hiện giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được giao./.